

## Khái lược về Đạo giáo và quán Đạo giáo ở Việt Nam

T.S. NGUYỄN THẾ HÙNG\*

Theo dòng lịch sử, hiện nay tuy chưa phát hiện những bằng chứng vật chất chứng tỏ sự có mặt của Đạo giáo ở Việt Nam hồi đầu Công nguyên nhưng căn cứ vào ghi chép của *Đại Việt Sử ký toàn thư* chúng ta có thể nhận thấy Đạo giáo được du nhập vào Việt Nam bằng một cánh cửa rất rộng. Toàn thư chép: “Sau vua Hán sai Trương Tân làm Thứ sử. (Tân nhận chức năm Kiến An thứ 6 [211] thời Hán). Tân thích việc quỷ thần, thường đội khăn đỏ, gậy đàn, đốt hương, đọc sách Đạo giáo, nói rằng có thể giúp việc giáo hoá<sup>1</sup>. Khi Sĩ Nhiếp cai trị ở Giao Châu vào thế kỷ 2 sau Công nguyên, thì đã có nhiều Đạo sĩ đến đây tu luyện, truyền đạo và bản thân ông cũng là một đạo tiên<sup>2</sup>. Trong *Thần tiên truyện* của Cát Hồng nói tới chuyện Sĩ Nhiếp lâm bệnh chết đã ba ngày thì được vị tiên nhân Đổng Phụng cho một viên thuốc, Sĩ Nhiếp được cho uống xong, tỉnh dậy hồi phục trở lại bình thường. Nhà nghiên cứu Vương Khả đã cho rằng, câu chuyện trên dù chỉ là truyền thuyết nhưng cũng có thể chứng minh Đạo giáo được truyền đến Việt Nam từ cuối đời nhà Hán<sup>3</sup>. Trong tựa đề của tác phẩm *Lý hoặc luận*, tác giả Mâu Tử, một người Giao Châu sống vào khoảng cuối thế kỷ 2, đầu thế kỷ 3 sau Công nguyên cho biết cụ thể hơn thời điểm Đạo giáo tràn vào Việt Nam: “Hồi bấy giờ, sau khi Linh Đế mất,

thiên hạ loạn lạc, chỉ có Giao Châu là còn hơi yên tĩnh. Nhân tài phương Bắc đều lánh về đây ở, phần nhiều theo phép thần tiên tịch cốc, trường sinh, đương thời có nhiều người theo học.”<sup>4</sup>.

Mặc dù có một số tài liệu nói tới việc Cát Hồng tới núi Câu Lậu ở huyện Thạch Thất luyện thuốc tiên nay vẫn còn thấy “Thuốc đan sa thừa... để lại thành một đồng đất đỏ”<sup>5</sup>. Thực ra có chuyện Cát Hồng xin phép Tấn Thành Đế (năm 333) đến làm huyện lệnh huyện Câu Lậu ở Giao Chỉ vì được biết nơi đây có nhiều đan sa và được Tấn Thành Đế cho phép nhưng ông mới đến Quảng Châu thì Thứ sử Quảng Châu là Đãng Nhạc giữ ở lại. Cát Hồng lưu lại Quảng Châu rồi vào núi La Phù lần thứ hai luyện đan, viết sách cho tới khi mất<sup>6</sup>.

Nhưng nếu xét trên một bình diện khác có thể nói rằng, các tiền đề để Đạo giáo du nhập vào Việt Nam đã có từ sớm hơn. Các truyền thuyết về Hùng Vương giỏi ma thuật, về Chử Đồng Tử gặp tiên, có tài chữa bệnh, về Thục An Dương Vương và thần Kim Quy có nhiều phép thuật tài giỏi đã chứng tỏ tín ngưỡng bản địa với việc tôn sùng các năng lực siêu nhiên là mảnh đất màu mỡ để Đạo giáo xâm nhập<sup>7</sup>. Sự kết hợp giữa Đạo giáo và tín ngưỡng bản địa là một đặc điểm lớn trong quá trình phát triển Đạo giáo ở Việt Nam.

Hiện chưa có nhiều bằng chứng về sự phát triển của Đạo giáo ở thời Bắc thuộc. Trong tác

\* CỤC TRƯỞNG  
CỤC DI SẢN VĂN HÓA

phẩm *Việt điện u linh* của Lý Tế Xuyên có ghi, trong thời Khai Nguyên nhà Đường, một Thứ sử Quảng Châu sang làm đô hộ phủ ở An Nam đã lập đền thờ Huyền Nguyên Đế Quân và đặt tên là quán Khai Nguyên<sup>8</sup>. Nhưng một nguồn tư liệu khác hết sức quan trọng cho biết rằng, trước đó "Trong khoảng niên hiệu Vĩnh - Huy (650 - 655) đời Đường, Nguyễn Thường Minh làm đô đốc Phong Châu, thấy đất đai ở đây bằng phẳng, có núi sông làm giải vạt, bèn xây Thông - Thánh quán ở Bạch - Hạc, đặt tượng Tam Thanh, lấy làm kỳ vĩ"<sup>9</sup>.

Theo sách *An Nam chí nguyên*: ở huyện Giao Chỉ có 29 chùa, 6 quán. Huyện Chu Diên có 29 chùa, 9 quán. Ở huyện Tống Bình có 5 chùa, 4 quán<sup>10</sup>. *Giao Châu - Bát huyện* ký ghi chép thì An nam đô hộ phủ (đời Đường) có 88 chùa, miếu Phật giáo và 21 am của Đạo giáo<sup>11</sup>. Qua các tư liệu và con số thống kê trên cho thấy, quán Đạo giáo đã xuất hiện khá nhiều và có chỗ đứng vững chắc tại Việt Nam. Những câu chuyện về Cao Biền yểm bùa chú, chặt đứt các long mạch ở Việt Nam cũng là một dẫn chứng cho thấy sự tham gia và tiếp tay của Đạo giáo và của Đạo sĩ Cao Biền cho công cuộc đô hộ của phong kiến phương Bắc.

Bước sang thời kỳ tự chủ, chúng ta có nhiều

bằng chứng phản ánh đời sống tôn giáo, mối quan hệ giữa chính trị và tôn giáo. Hiện nay, tại đình Đông Ngạc ở Từ Liêm - Hà Nội còn đang lưu giữ một quả chuông thời Ngô, đúc năm 948, bài minh trên chuông đã cung cấp nhiều thông tin quý giá về sinh hoạt Đạo giáo và việc thờ phụng Thái Thượng tam tôn<sup>12</sup>. Lúc này các tăng sĩ, Đạo sĩ là những trí thức lớn, những bộ óc lớn giúp cho việc xây đắp và bảo vệ nền tự chủ và ý chí thống nhất, độc lập dân tộc. Chỉ bốn năm sau khi lên ngôi (năm 971), vua Đinh Tiên Hoàng đã "bắt đầu quy định văn võ tăng đạo... Tăng thống Ngô Châu Lưu được ban hiệu là Khuông Việt đại sư, Trương Ma Ni làm Tăng lục, Đạo sĩ Đặng Huyền Quang được trao chức Sùng chân uy nghi"<sup>13</sup>. Sùng chân uy nghi, nếu theo chức quan ở Trung Quốc, có lẽ là một chức quan trông coi về nghi lễ Đạo giáo<sup>14</sup>. Điều này chứng tỏ Đạo giáo rất phổ biến và được tầng lớp quan lại hết sức coi trọng. Phật giáo và Đạo giáo cùng song hành tồn tại và chung sống hoà bình.

Đến thời Lý, bên cạnh Phật giáo, các vua cũng hâm mộ Đạo giáo. Vua Lý Thái Tổ là người "ưa thích dị đoan"<sup>15</sup>, Sử thần Lê Văn Hưu phê phán "Lý Thái Tổ lên ngôi mới được 2 năm, tông miếu chưa dựng, đàn xã tắc chưa



Bộ tượng thần Huyền Đàn, chùa Đĩnh Lan, Nam Định - Ảnh: Tác giả



lập mà trước đã dựng tám chùa ở phủ Thiên Đức, lại trùng tu chùa quán ở các lộ...". Vua cũng ra lệnh "...nơi nào có chùa quán đã đổ nát đều phải sửa chữa lại."<sup>16</sup>. Ngay sau khi dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, vua Lý Thái Tổ đã cho xây dựng "... ở trong thành, bên tả dựng cung Đại Thanh, bên hữu dựng chùa Vạn Tuế..."<sup>17</sup>, còn *Việt sử lược* viết "Năm đó, ở trong thành lại xây cung Thái - Thanh, chùa Vạn - tuế..."<sup>18</sup>. Sau đó, vào năm 1016, tức năm Thuận Thiên thứ 7, vua Lý Thái Tổ đã "Độ cho hơn nghìn người ở kinh sư làm tăng đạo"<sup>19</sup>. Con số hơn một nghìn tăng đạo chỉ ở kinh sư nếu cộng với số tăng đạo đã có thì có thể thấy rằng, lúc này ở Thăng Long có một số lượng rất lớn tăng đạo cũng như chùa quán, chắc hẳn hoạt động của số tăng đạo này ở kinh sư rất sôi nổi. Có lẽ vì vậy mà Sử quan Ngô Sĩ Liên đã đánh giá vua Lý Thái Tổ có nhiều công lao to lớn "... có mưu lược của bậc đế vương. Duy có việc ham thích đạo Phật, đạo Lão là chỗ kém."<sup>20</sup>. Vua Lý Thái Tông mới lên ngôi đã cho "Đặt các cấp bậc tăng đạo"<sup>21</sup>. Năm 1049, chùa Diên Hựu (kéo dài tuổi thọ) được dựng lên để các nhà sư đi vòng xung quanh đọc kinh niệm Phật, cầu cho vua được sống lâu. Tư tưởng mong muốn sống lâu kéo dài tuổi thọ không phải là tư tưởng của Phật giáo mà trước hết là của Đạo giáo. Đạo giáo có rất nhiều ưu thế, ít nhất là về lý thuyết, để làm thoả mãn trước hết về mặt tinh thần cho những mong muốn này. Và, dưới thời vua Lý Thái Tông (năm 1028), Đạo giáo đã đi nước cờ tiên để thoả mãn mong muốn của vị vua vừa mới lên ngôi kế vị: "Tháng 6, lấy ngày sinh của vua làm tiết Thiên Thánh. Lấy tre làm núi Vạn Tuế Nam Sơn ở Long Trì: Kiểu núi làm thành năm ngọn, trên đỉnh ngọn ở giữa dựng núi Trường Thọ, trên đỉnh bốn ngọn xung quanh đều đặt núi Bạch Hạc, trên núi làm hình dạng các giống chim bay, thú chạy, lung chùng núi có rồng thần cuốn quanh, cắm xen các thứ cờ, treo lẫn vàng ngọc, sai con hát thổi sáo, thổi kèn trong hang núi, dâng ca tấu múa làm vui, cho các quan ăn yến. Qui chế núi năm ngọn bắt đầu từ đây."<sup>22</sup>. Núi năm ngọn tức Ngũ Nhạc- những ngọn núi linh thiêng ở Trung Quốc, nơi ở của các vị thần gắn với Đạo giáo, ngọn ở giữa dựng núi Trường Thọ để đề cao mục đích của công trình này là cầu cho vua

sống lâu. Các chi tiết còn lại đủ cho người ta tưởng tượng về một khung cảnh thần tiên, nó hết sức gắn gũi với giáo lý và hoạt động của Đạo giáo. Dưới thời vua Lý Anh Tông, các Đạo sĩ đã thiết lập được một nghi lễ tôn giáo với sự tham gia của nhà vua, đó là tắm Đạo ở cung Cảnh Linh. *Việt sử lược* chép "Vua ngự ra cung Cảnh - Linh xem tắm Đạo. Lễ tắm Đạo là bắt đầu từ đó"<sup>23</sup>. Mục đích và nghi lễ tắm Đạo vẫn chưa được hiểu rõ. Như vậy, Đạo giáo có ảnh hưởng khá mạnh mẽ tới vua nhà Lý.

Toàn thư còn cho thấy nhiều bằng chứng về vai trò của giới Đạo sĩ và Đạo giáo. Khi chưa lên ngôi vua, Lý Thái Tông, người kế nghiệp vua Lý Thái Tổ cũng đã có mối giao hảo với giới Đạo sĩ và hẳn vị vua này đã dành nhiều tình cảm tốt đẹp cho giới này: "Vua lấy áo ngự ban cho Trần Tuệ Long là Đạo sĩ ở quán Nam Đế"<sup>24</sup>. Khi lên ngôi được vài năm, vua đã phát tiền dựng chùa quán ở 950 nơi<sup>25</sup>; vua còn cho phép các Đạo sĩ được nhận "Ký lục" ở cung Thái Thanh như là sự thừa nhận của nhà vua đối với việc tu hành của giới Đạo sĩ<sup>26</sup>. Còn vua Lý Thần Tông thì "ngự đến hai cung Thái Thanh và Cảnh Linh và các chùa quán trong thành để tạ ơn Phật và Đạo đã giúp ngầm cho Công Bình đánh được người Chân Lạp"<sup>27</sup>. Sử sách cũng cho biết tên của một vài ngôi quán ở Thăng Long như, quán Nam Đế đã nói ở trên, ngoài ra còn có quán Ngũ Nhạc. Tại quán Ngũ Nhạc, vào năm 1135 đã có một sự kiện khá đặc biệt: "Vua ngự đến quán Ngũ Nhạc để khánh thành tượng Tam Tôn bằng vàng bạc"<sup>28</sup>. Vì tượng ở quán Đạo giáo nên cần hiểu tượng Tam Tôn tức tượng Tam Thanh chứ không phải bộ tượng Di Đà tam tôn của Phật giáo<sup>29</sup>. Trích văn ở trên cho biết chi tiết tượng làm bằng vàng bạc chứng tỏ Đạo giáo có sự ủng hộ rất lớn của tầng lớp trên mà cụ thể là vua, nguồn tài lực của quán Đạo chắc chắn không phải là nhỏ. Toàn thư cũng nhắc tới địa danh "Nghênh Tiên đường"<sup>30</sup>.

Trong các năm 1101 và 1102, *Việt sử lược* đã hai lần nhắc tới việc xây quán Khai Nguyên, lần thứ hai có nói thêm quán Thái Dương và Bắc Đế<sup>31</sup>. Phải chăng quán Khai Nguyên của thời Lý được làm mới hoặc tu sửa trên dấu vết của quán Khai Nguyên dựng từ thời nhà Đường?

Mặt khác, theo chính sử, không chỉ có các

sự kiện chính trị mới thấy vai trò của Đạo và Phật. Nhiều hiện tượng tự nhiên không bình thường cũng được cho là can sự can thiệp của Đạo và Phật: "Chùa Thích Ca ở trước quán Lôi Công có cây ưu đàm nở hoa"<sup>32</sup>, hoặc "Cá ở cửa biển chết. Sai tăng ni, đạo sĩ các chùa quán ở Kinh và các nơi tụng kinh cầu đảo"<sup>33</sup>.

Khung cảnh "chùa Thích Ca ở trước quán Lôi Công" chứng tỏ quán và chùa hết sức gần gũi nhau, đặc biệt "khi phát triển các yếu tố Phật giáo, Phật giáo Việt Nam gần gũi với Đạo giáo"<sup>34</sup>. Một xu hướng mới của Đạo giáo xuất hiện ở thời này với các truyện Tú Uyên - Giáng Kiều và truyện người tiều phu gặp tiên đánh cờ ở núi Lạn Kha - Phật Tích (Bắc Ninh). Mặc dù không còn dấu vết thời Lý, nhưng quán Bích Câu còn đó với câu chuyện Tú Uyên - Giáng Kiều đậm chất Việt đã chứng tỏ cho một xu hướng bản địa hoá mạnh mẽ của Đạo giáo thần tiên ở thời Lý. Đạo giáo phù thủy cũng rất thịnh hành và có ảnh hưởng mạnh mẽ tới tầng lớp trên<sup>35</sup>.

Sẽ là một thiếu sót lớn nếu không nói tới Trấn Vũ quán mà người ta hay gọi là Quán Thánh, nơi thờ Huyền Thiên Trấn Vũ (Huyền Thiên Đại Đế), mà về sau được hệ thống hoá để trở thành một trong Thăng Long tứ trấn. Khi dựng đô ở Hoa Lư, nhà Đinh có động Thiên Tôn, một địa danh liên quan tới Đạo giáo, khi dời đô ra đất Kẻ Chợ, vua Lý Thái Tổ mang theo các địa danh của vùng Hoa Lư và không quên dựng đền thờ một vị thần của Đạo giáo là Huyền Thiên Trấn Vũ, vị thần trấn giữ phương Bắc, một hướng rất xung yếu đối với đất nước Việt. Sự an nguy của đất nước thời Trung đại dường như đều từ phương Bắc đưa xuống. Vì vậy, quán Trấn Vũ và sự tồn tại của nó, cũng là sự tồn tại của Đạo giáo, có quan hệ mật thiết (trong tư tưởng) tới sự tồn vong của đất nước.

Sang đến đời Trần, Đạo giáo cùng các tôn giáo khác vẫn được nhà Trần coi trọng. Năm 1225, vua Trần Thái Tông lên ngôi, thì năm 1227 nhà Trần tổ chức "Thi tam giáo tử (nghĩa là những người nổi nghiệp Nho giáo, Đạo giáo, Thích giáo)"<sup>36</sup>. Ngoài việc thi cử, nhà Trần còn cho "in các sách Phật giáo pháp sự, Đạo trường tân văn và Công văn cách thức ban hành trong cả nước."<sup>37</sup>. *Lịch triều hiến chương loại chí* chép rất rõ ràng về việc tu luyện của

một Đạo sĩ ở núi Phượng Hoàng, Chí Linh, Hải Dương như sau: "Đầu thời Trần có đạo sĩ là Huyền - Vân ẩn ở đấy, luyện thuốc tiên nên gọi là động Huyền - Vân."<sup>38</sup>. Lúc này các Đạo sĩ có ảnh hưởng khá lớn tới nhiều việc của triều đình, kể cả việc cầu tự nối dõi. Toàn thư chép "...đạo sĩ cung Thái Thanh tên là Thận cầu tự cho vua. Đọc số xong [đạo sĩ] tâu vua: "Thượng đế đã y lời số tâu, sắp sai Chiêu Văn đồng tử giáng sinh, ở trần thế bốn kỷ". Thế rồi hậu cung có mang, sau quả nhiên sinh con trai, hai cánh tay có chữ "Chiêu Văn đồng tử" nét chữ rất rõ, vì thế đặt hiệu là Chiêu Văn."<sup>39</sup>. Người con trai mà sử cũ chép là Trần Nhật Duật hoàng tử thứ sáu của vua Trần Thái Tông. Trần Nhật Duật là người rất hâm mộ huyền phong (tức Đạo giáo) và rất am hiểu các kinh điển của Đạo giáo. Năm 1276 khi người Đạo sĩ phương Bắc tên là Hứa Tông Đạo sang đất Việt, Trần Nhật Duật đã thu nhận ông làm môn khách<sup>40</sup>. Và Toàn thư cho rằng, từ khi Hứa Tông Đạo đến đất Việt cũng là lúc "Phép phù thủy, đàn chay bắt đầu thịnh hành..."<sup>41</sup>. Nhưng thực ra, qua nhiều sử liệu ở trên có thể thấy, Đạo giáo đã có chỗ đứng vững chắc từ thời Đinh, Lê, Lý từ lâu rồi, chưa kể đến thời kỳ Bắc thuộc. Hứa Tông Đạo ưa thích phù phép, đàn chay thì phải chăng đó là một nhân vật của Đạo phái Phù lục thuộc truyền thống Trương Đạo Lăng. Vua Trần và các công chúa trong hoàng tộc đóng góp tiền bạc để đúc chuông quán Thông Thánh và quán Thái Thanh<sup>42</sup>.

Một tác phẩm văn học chịu ảnh hưởng rất lớn của Đạo giáo là *Linh Nam chí quái* của Lý Tế Xuyên ít nhiều đã dẫn trên đây được đoán định ra đời vào thời Trần, càng chứng tỏ sự xâm nhập của Đạo giáo vào rất nhiều lĩnh vực của đời sống chính trị, văn hoá, xã hội. Khi nhà Trần suy tàn, Hồ Quý Ly sai Đạo sĩ Nguyễn Khánh ra vào cung cấm thuyết phục vua Trần Thuận Tông nhường ngôi cho con để Hồ Quý Ly dễ bề thao túng. Trong chiếu nhường ngôi, vua Trần Thuận Tông đã thừa nhận "Trẫm sớm mộ huyền phong"<sup>43</sup> và tự phong mình là "Thái Thượng Nguyên Quân Hoàng Đế, tu dưỡng ở cung Bảo Thanh để thoả ý nguyện từ trước"<sup>44</sup>. Ở thời Trần, không thể phủ nhận vai trò của Phật giáo và ảnh hưởng của nó tới các vua Trần, nhưng cũng không thể không thấy rằng, Đạo giáo cũng có



những ảnh hưởng tương đương với Phật giáo. Khi đến thăm quán Huyền Thiên, Trần Nguyên Đán có làm Thơ đề quán Huyền Thiên<sup>45</sup> như sau:

"Giữa ban ngày lên trời để  
Giúp vua được như đời  
Nghieu Thuấn khó

Lăn lộn cõi trần sáu mươi  
năm rồi

Quay đầu lại nhìn cái mũ  
áo vàng đạo sĩ mà thẹn".

Có một vấn đề đã từng được GS. Hà Văn Tấn nêu ra rằng, trong sự tồn tại của Phật giáo thời kỳ Lý, Trần, dù có thể thấy các yếu tố Mật - Tịnh - Thiên quán quyết với nhau, khiến ngày nay ta không rõ tính chất tông phái của Phật giáo Việt, thì cũng có những dấu hiệu cho thấy, trong ba tông phái nổi trội ở người Việt đó, có thể thấy khá rõ Mật tông (Mật giáo) thường hay gắn kết với Đạo giáo<sup>46</sup>. Hai "tôn giáo" này có những điểm chung nhau khi cùng sử dụng các phương pháp phù chú, cầu đảo và các phép thần thông để bày tỏ quyền uy siêu việt. Sự kết hợp này đã được một luận án tiến sĩ gần đây chứng minh qua nhân vật đức Thánh Bối ở chùa Bối Khê (Thanh Oai, Hà Tây), một nhân vật tôn giáo khá độc đáo ở thời Trần<sup>47</sup>. Đó là chưa kể đến một nhân vật Phật giáo như Tuệ Trung Thượng sĩ ở thời Trần, đã được Nguyễn Duy Hinh chứng minh ông là hiện thân của sự kết hợp giữa tư cách Phật với tư cách Lão - Trang khá rõ<sup>48</sup>....

(Kỳ sau đăng tiếp...)

N.T.H

### Chú Thích:

- 1- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 163.
- 2- Vũ Quỳnh và Kiều Phú (1960), *Lĩnh Nam chích quái*, Bd., Nxb. Văn hóa, Hà Nội, tr. 132 - 134.
- 3- Vương Khả (1999), "Lược sử Đạo giáo Việt Nam", *VHDG*, (2), tr.76 - 88.
- 4- Trần Nghĩa (2000), *Sưu tầm và khảo luận tác*



Tượng Lão Tử, chùa Đĩnh Lan, Nam Định - Ảnh: Tác giả

*phẩm chữ Hán của người Việt trước thế kỷ X*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

5- Phan Huy Chú (1992), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 113.

6- Triệu Lập Cương (Chủ biên), *Lịch đại đại danh đạo truyện* (tiếng Trung), Nxb. Nhân dân Sơn Đông, Tế Nam, 1996.

7- Trần Văn giàu (1973), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng tháng Tám*, I, Nxb. KHXH, Hà Nội.

8- Nguyễn Bá Lăng (1972), *Kiến trúc Phật giáo Việt Nam*, I, Nxb. Văn Hạnh, Sài Gòn, tr. 473- 474; Xem thêm: Hoàng Giáp (1993), "Ngô Thì Sĩ và đền Tam giáo ở Lạng Sơn", *Tạp chí Dân tộc học*, (1), tr.44-46.

9- Hà Văn Tấn (2002), *Chữ trên đá chữ trên đồng Minh văn và Lịch sử*, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 115.

10- Trần Văn giàu (1973), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng tháng Tám*, I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 461.

11- Vương Khả (1999), "Lược sử Đạo giáo Việt

- Nam", *VHDG*, (2), tr.76 - 88.
- 12- Hà Văn Tấn (2002), *Chữ trên đá chữ trên đồng Minh văn và Lịch sử*, Nxb. KHXH, Hà Nội.
- 13- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 212.
- 14- Hà Văn Tấn (2002), *Chữ trên đá chữ trên đồng Minh văn và Lịch sử*, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 76.
- 15- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 240.
- 16- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 242.
- 17- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 242.
- 18- *Việt sử lược* (1960), Bd., Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, tr. 71.
- 19- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 245; Xem thêm: *Việt sử lược* (1960), Bd., Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, tr.74.
- 20- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 252.
- 21- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 252.
- 22- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 252.
- 23- *Việt sử lược* (1960), Bd., Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, tr. 149.
- 24- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 253.
- 25- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 255; Xem thêm: *Việt sử lược* (1960), Bd., Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, tr. 79.
- 26- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 255.
- 27- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 300.
- 28- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 308.
- 29- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 308.
- 30- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 308.
- 31- *Việt sử lược* (1960), Bd., Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, tr. 120.
- 32- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 255.
- 33- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 324.
- 34- Lê Thị Chiêng (2001), *Linh Tiên Quán những giá trị văn hoá - nghệ thuật*, Luận văn thạc sĩ khoa học văn hoá, ngành văn hoá học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
- 35- Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn (1963), *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 326.
- 36- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., II, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 10.
- 37- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., II, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 78.
- 38- Phan Huy Chú (1992), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Bd., I, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 128.
- 39- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., II, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 26.
- 40- Hà Văn Tấn (2002), *Chữ trên đá chữ trên đồng Minh văn và Lịch sử*, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 155.
- 41- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., II, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 86.
- 42- *Thơ văn Lý - Trần* (1989), II, quyển Thượng, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 623- 631.
- 43- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., II, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 194.
- 44- Viện Sử học (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bd., II, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr. 194.
- 45- Nguyễn Khắc Thuần (2001), *"Mãi mãi còn đây ... Vọng Tiên Lâu"*, *Nghĩ về Thăng Long Hà Nội*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 187.
- 46- Hà Văn Tấn (1986), *"Về ba yếu tố của Phật giáo Việt Nam: Thiên, Tịnh, Mật"*, *Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Viện Triết học, Hà Nội, tr. 204.
- 47- Nhã Long (1990), "Quả chuông thời Tây Sơn ở Đạo quán Dương Lâm (Hà Sơn Bình)", *NPH-MVKCH năm 1987*, Nxb. KHXH, Hà Nội, tr.176-177.
- 48- Nguyễn Duy Hinh (1998), *Tuệ Trung: Nhân sĩ, thượng sĩ, thi sĩ*, Nxb. KHXH, Hà Nội.

### NGUYỄN THẾ HÙNG: A BRIEF ON TAOISM AND ITS SHRINES IN VIETNAM

Back to history, trace the origin of Taoism and its branches, as well as review some literature and heritage sites in Vietnam, the author draws the face of Vietnamese Taoism to show the common and special elements of this religion in history.

The author also mentions some main reasons of historical and social contexts, especially in 15th and 16th centuries to prove the appearance of Taoism shrines – one premise for the diversity development of later Taoism.